

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày 10-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Duy Hiếu;
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Thái Thị Thuý Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 62/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông **Trần Thành A**, sinh năm 1957; địa chỉ: số C35/3, khu phố A1, phường A2, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Bị đơn:** ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1982; địa chỉ: số A12/1, khu phố A1, phường A2, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Nguyễn Thị Thanh C**, sinh năm 1964; địa chỉ: số C35/3, phố A1, phường A2, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1941 và bà **Trần Thị E**, sinh năm 1951; hiện tại cùng địa chỉ: số A12/1, khu phố A1, phường A2, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 01 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Trần Thành A trình bày:

Ông và ông Nguyễn Văn B không bà con họ hàng gì, chỉ là hàng xóm do ở gần nhà nhau nên ông có cho ông Nguyễn Văn B vay các khoản tiền như sau:

- Khoảng tháng 3/2022 ông B vay số tiền 80.000.000 đồng, ông B có viết giấy mượn tiền không đề ngày tháng năm và ký tên xác nhận giao cho ông giữ, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng. Sau đó khoảng 01 tháng ông B đã trả cho số tiền này, nhưng giấy nợ ông vẫn giữ không hủy bỏ;

- Ngày 23/5/2022, ông B vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, ông B có đưa cho ông Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô biển số 70C-02733 để làm tin, ông B viết giấy mượn tiền và ký tên giao ông giữ, thời hạn trả 01 năm kể từ ngày 23/5/2022;

- Ngày 06/6/2022, ông B vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, hẹn ngày 07/6/2022 sẽ trả tiền, ông B viết giấy mượn tiền và ký tên giao ông giữ.

Đến ngày 22/07/2022 ông B có trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng, hẹn 07 ngày sau trả số tiền còn lại.

- Ngày 23/8/2022 ông B vay số tiền 100.000.000 đồng hẹn đến ngày 23/10/2022 trả, ông B viết giấy mượn tiền và ký tên giao ông giữ. Ông B có mượn lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô biển số 70C-02733 và giao cho ông giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01445/02 ngày 07/8/2006 do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E (là cha mẹ của ông B) để làm tin.

- Tổng cộng ông B nợ ông số tiền 350.000.000 đồng.

Từ ngày 23/8/2022 đến ngày 23/10/2022, ông B trả cho ông nhiều lần nên ngày 24/9/2023 (âm lịch) ông B viết giấy hẹn nợ, chốt lại số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 29/9/2024 trả hết, có thỏa thuận lãi 1%/tháng, sau đó ông B có chuyển khoản trả lãi được 03 lần mỗi lần 01 triệu đồng vào các ngày 06/12/2023, 09/12/2023, 16/12/2023, tổng cộng 3.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông B không trả cho ông khoản tiền nào khác, ông đã nhiều lần liên hệ với ông B nhưng không được nên mới đi khởi kiện. Ngoài ra, hai bên không vay mượn số tiền nào khác cũng như không có giao dịch gì khác với nhau. Ông xác định nguồn tiền ông cho ông B vay là tiền của ông và vợ là Nguyễn Thị Thanh Nhân.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả lại cho vợ chồng ông số tiền vay gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01445/02 ngày 07/8/2006 do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án – bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông và ông Trần Thành A không bà con họ hàng gì, chỉ là hàng xóm do ở gần nhà nhau. Ông thừa nhận có vay tiền của ông A nhiều lần từ năm 2022, nhưng

ông không nhớ chính xác thời gian vay, số tiền cụ thể từng lần vay, ông cũng trả cho ông A nhiều lần, sau đó đến ngày 24/9/2023 âm lịch ông có lập Giấy hẹn nợ và ký tên xác nhận, với nội dung thừa nhận còn nợ ông A số tiền vay gốc 300.000.000 đồng hẹn đến ngày 29/9/2024 sẽ trả, hai bên thỏa thuận lãi suất 01 %/tháng. Sau đó, ông có trả cho ông A tiền lãi được vài tháng đến tháng 11, 12 âm lịch/2023 thì ngưng nhưng không nhớ chính xác đã trả bao nhiêu tiền (trả bằng hình thức chuyển khoản). Ông thừa nhận 05 giấy nợ có chữ ký Nguyễn Văn B do ông A cung cấp trong hồ sơ là do chính ông viết và ký tên giao cho ông A giữ. Ông thừa nhận khi vay tiền có đưa cho ông A giữ làm tin bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01445/02 ngày 07/8/2006 do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E (là cha mẹ của ông). Khi ông đưa giấy đất cho ông A giữ, ông không nói cho cha mẹ ông biết, nhưng sau đó ông A có lại nhà thông báo cho ông D, bà E biết việc này, cha mẹ ông cũng không đồng ý việc ông đưa giấy đất này cho ông A, nhưng cha mẹ ông cũng không đến nhà ông A để đòi lại. Nay ông đồng ý trả cho ông A số tiền nợ 300.000.000 đồng, nhưng vì hiện tại ông chưa có khả năng trả tiền cho ông A do làm ăn khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị Thanh C trình bày: bà là vợ của ông Trần Thành A, khi ông A cho ông B vay tiền bà biết và cũng đồng ý vì đây là tiền chung của cả hai vợ chồng, bà thống nhất với tất cả lời trình bày của ông A, yêu cầu ông B trả cho vợ chồng bà số tiền nêu trên, vì mọi việc cho vay tiền ông A đều thỏa thuận, giao nhận tiền trực tiếp với ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị E: đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần theo quy định nhưng ông bà không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa:

- Ông A trình bày: vẫn giữ nguyên nguyên câu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông B trình bày: đồng ý trả cho ông A, bà C số tiền vay 300.000.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành A, buộc ông Nguyễn Văn B trả cho ông A, bà C số tiền vay gốc 300.000.000 đồng, ghi nhận ông A không yêu cầu tính lãi. Ghi nhận ông Trần Thành A, bà Nguyễn Thị Thanh Nhân đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01445/02 ngày 07/8/2006 do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E đứng tên (bản chính). Án phí ông B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn – ông Trần Thành A khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn B trả số tiền vay, do bị đơn hiện đang cư trú tại phường A2, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do đó căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành A thấy rằng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án và tài phiên tòa: ông Trần Thành A và ông Nguyễn Văn B đều xác định ông B còn nợ ông A số tiền vay gốc 300.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ ngày 24/9/2023 âm lịch, hẹn đến ngày 29/9/2024 trả tiền, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, tuy nhiên ông B thừa nhận do làm ăn khó khăn nên đến khoảng tháng 11, 12/2023 âm lịch ngưng không đóng lãi từ đó đến nay, thừa nhận các giấy nợ do ông A cung cấp cho Tòa án là do chính ông B ký tên. Do đó có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, do ông B vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận nên ông A khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng, ông B cũng đồng ý trả cho ông A số tiền này, do đó yêu cầu khởi kiện của ông A là có cơ sở, ghi nhận ông A, bà C không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án cho ông D, bà E theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông D, bà E không hợp tác, không tham gia phiên họp, không tham gia phiên tòa cũng như không có văn bản trình bày ý kiến do đó Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ, lời khai của các đương sự đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Ông B thừa nhận khi vay tiền của ông A có tự ý giao cho ông A giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01445/02 ngày 07/8/2006 do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E (là cha mẹ của ông B) đứng tên, mục để để ông A tin tưởng mà cho vay. Nay ông A, bà C cũng đồng ý trả lại cho ông D, bà E giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên cần ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành A đối với ông Nguyễn Văn B, buộc ông B trả lại cho ông A, bà C số tiền vay gốc 300.000.000 đồng. Ghi nhận

ông A, bà C không yêu cầu tính lãi, đồng ý trả lại cho ông D, bà E giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí trên số tiền phải trả theo quy định khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành A đối với ông Nguyễn Văn B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thành A, bà Nguyễn Thị Thanh C số tiền **300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)**. Ghi nhận ông A, bà C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận ông Trần Thành A, bà Nguyễn Thị Thanh C đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01445/02 ngày 07/8/2006 do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị E (bản chính).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tx. Hòa Thành;
- Chi cục THADS tx. Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Mỹ Hòa